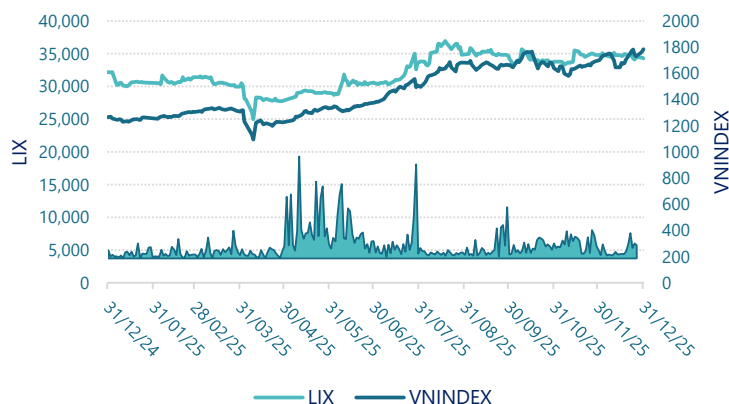


CTCP Bột giặt Lix (HSX: LIX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	34,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,977
SL cổ phiếu LH	64,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,025
% sở hữu nước ngoài	2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,223
P/E	11.1
EPS	3,083

DT thuần

Q4/25

907

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 126 | 16.2%

YoY: ▲ 203 | 28.9%

LN sau thuế

Q4/25

59.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.8 | 30.3%

YoY: ▼ 2.70 | -4.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.4%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

2025

3,066

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 189 | 6.6%

LN sau thuế

2025

200

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 2.00 | -0.8%

ROE

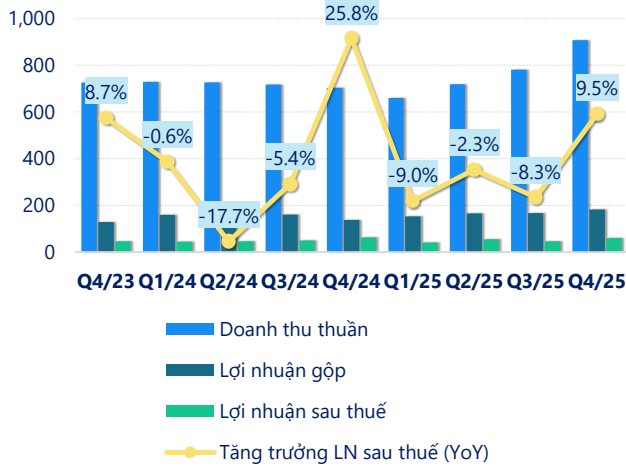
2025

20.2%

+/- YoY: ▼ 1.9%

tỷ VNĐ

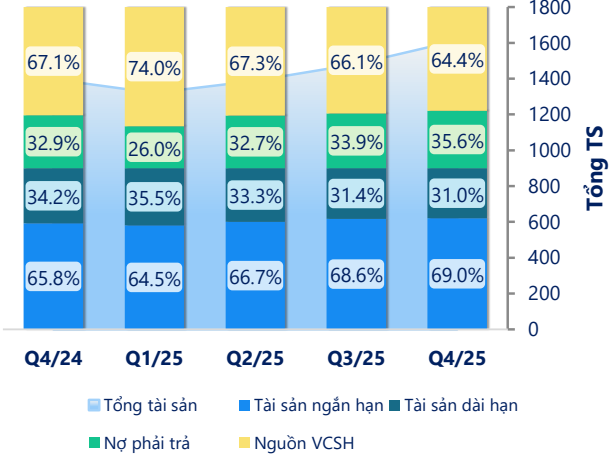
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

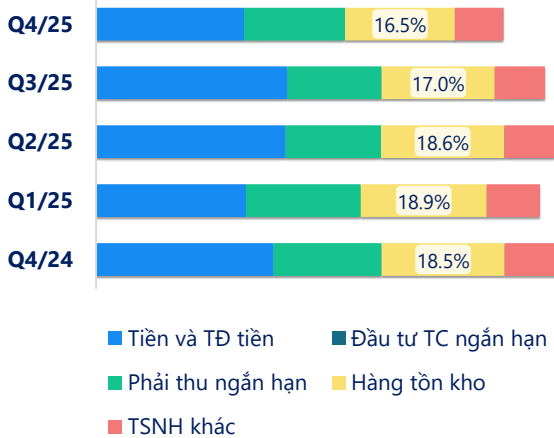
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



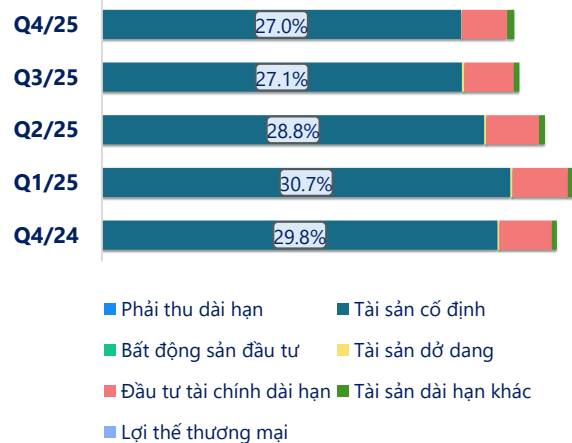
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

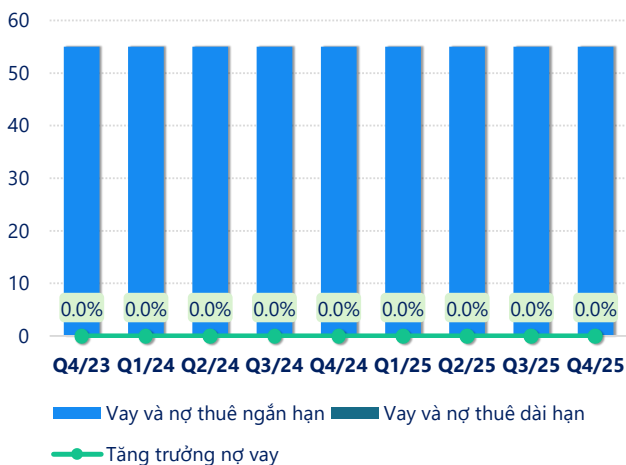
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

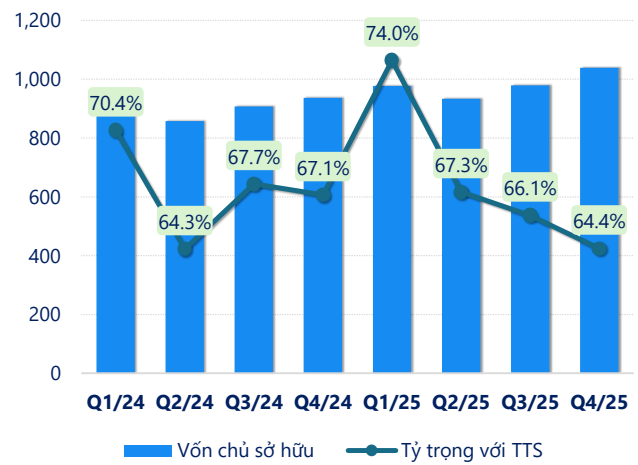
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

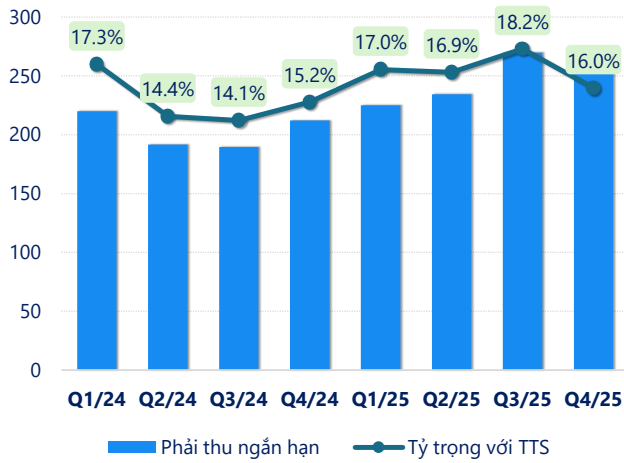
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



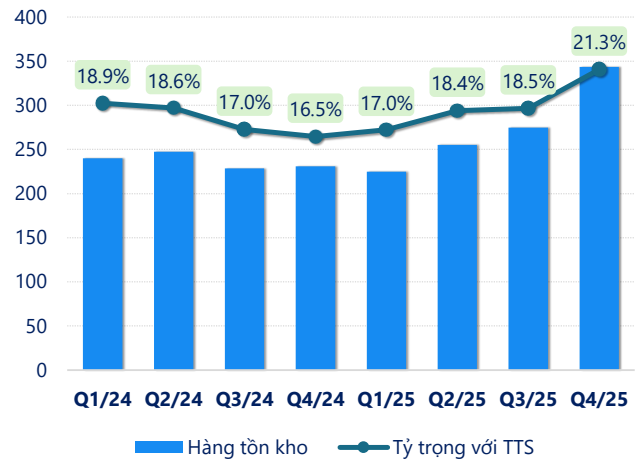
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


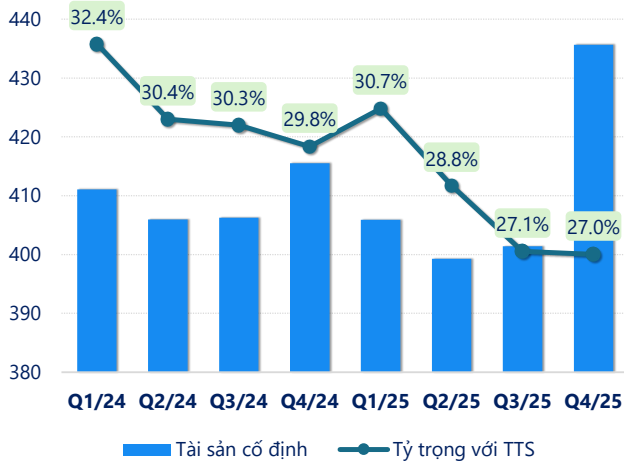
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


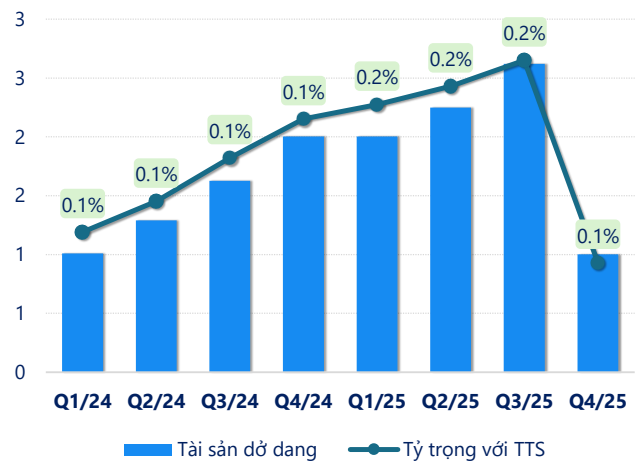
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

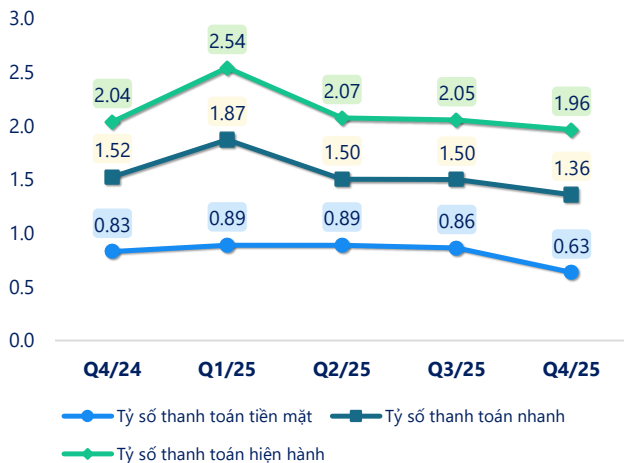
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

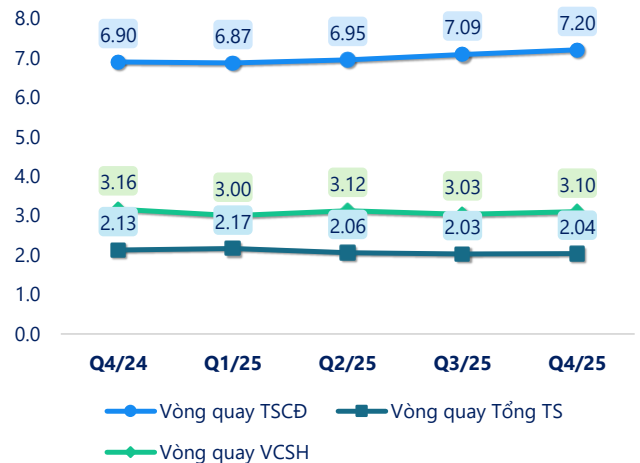
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,396	1,321	1,388	1,482	1,613
Tài sản ngắn hạn	919	852	926	1,017	1,113
Tiền và tương đương tiền	373	298	395	427	359
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	86.0
Phải thu ngắn hạn	212	225	234	270	258
Hàng tồn kho	231	225	255	275	343
Tài sản ngắn hạn khác	102	105	40.9	45.2	66.3
Tài sản dài hạn	478	469	463	465	500
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	416	406	399	401	436
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.00	2.00	2.25	2.62	1.00
Đầu tư tài chính dài hạn	55.0	55.0	55.0	55.0	55.0
Tài sản dài hạn khác	5.41	5.78	6.07	6.30	8.65
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	460	344	455	503	575
Nợ ngắn hạn	451	335	446	495	567
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.0	55.0	55.0	55.0	55.0
Phải trả người bán ngắn hạn	209	177	210	242	329
Nợ dài hạn	8.41	8.49	8.33	7.99	8.05
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	937	977	934	979	1,039
Vốn chủ sở hữu	937	977	934	979	1,039
Vốn điều lệ	648	648	648	648	648
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)